

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58 /2021/DS - PT

Ngày: 28 – 9 – 2021

V/v Tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Vương Thảo;

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung;
Bà Trần Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Võ Hồng Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 53/2021/TLPT - DS ngày 17 tháng 8 năm 2021 về “*Tranh chấp đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS – ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2021/QĐXXPT – DS ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 73/2021/QĐHPT – DS ngày 21 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Vinh Q, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Số x đường Dương L, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Lê V, sinh năm 1996; Địa chỉ: T, xã Điện Thắng Trung, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có đơn xin xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị X, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Kx đường H, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có đơn xin xử vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị X, là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Vinh Q trình bày:*

Vào ngày 14/11/2014, bà Lê Thị X có vay của ông Đặng Vinh Q số tiền 62.500.000đ để đáo hạn Ngân hàng, lãi suất vay theo thỏa thuận giữa hai bên, thời hạn vay là 20 ngày. Bà X cam kết đến ngày 03/12/2014 sẽ trả nợ cho ông Q. Bà X có viết Giấy cam kết vay tiền.

Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà X không trả nợ mặc dù ông Q đã nhiều lần nhắc nợ. Do đó, ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị X trả cho ông Đặng Vinh Q tổng số tiền là: 100.520.000đ. Trong đó, nợ gốc chưa trả là: 62.500.000đ; nợ lãi tạm tính đến ngày 25/12/2019 là: 38.020.000đ.

** Tại bản tự khai ngày 22/02/2021 gửi cho Tòa án, bị đơn là bà Lê Thị X trình bày:*

Vào năm 2014, bà X có mượn vay tiền của ông Q để đáo hạn ngân hàng, nhưng sau 2 ngày ngân hàng giải ngân bà X đã trả cho ông Q số tiền đã mượn. Ông Q đã ghi giấy nhận tiền và bà quên không nhận lại giấy vay tiền. Nay ông Q khởi kiện yêu cầu bà X thanh toán số tiền nợ gốc và lãi thì bị đơn không đồng ý vì thực tế đã thanh toán xong.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đề nghị Tòa án căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ yêu cầu tính lãi với số tiền 38.020.000đ của nguyên đơn, căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị X có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền 62.500.000đ.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS – ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê quyết định:*

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 235, 244, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu tính lãi đối với số tiền 38.020.000đ (Ba mươi tám triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) của nguyên đơn.

II/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vinh Q đối với bà Lê Thị X.

Buộc bà Lê Thị X trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền 62.500.000đ (Sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của đương sự, quyền và thời hạn thi hành án dân sự.

* Ngày 08 tháng 7 năm 2021, bị đơn bà Lê Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do bà không đồng ý với bản án sơ thẩm.

* Tại cấp phúc thẩm: Người kháng cáo không rút kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Ngày 21/9/2021 nguyên đơn ông Đặng Vinh Q có đơn xin xử vắng mặt; Ngày 23/9/2021 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lê V có đơn xin xử vắng mặt; Ngày 24/9/2021 bà Lê Thị X là bị đơn và là người có đơn kháng cáo có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Lê Thị X có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án theo đơn ngày 19/6/2021 trước khi Tòa án ban hành bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm không nhận định là thiếu sót. Xét thấy, ông Đặng Vinh Q khởi kiện yêu cầu bà X trả số tiền 62.500.000đ đây chính là quyền đòi tài sản của ông Q, cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là chưa phù hợp, như vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ – HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, yêu cầu áp dụng thời hiệu của bà X không được chấp nhận.

II. Về nội dung vụ án

[1] Quá trình giải quyết vụ án bà trình bày nhiều lần về việc bà đã trả toàn bộ khoản nợ 62.500.000 đồng cho ông Q nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng

cứ nào để chứng minh lời trình bày của bà là đúng. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Do đó, cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét chấp nhận kháng cáo của bà X như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[2] Do không chấp nhận kháng cáo nên bà Lê Thị X phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, khoản 1 Điều 148, Điều 238 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị X. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2021/DS – ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vinh Q đối với bà Lê Thị X về việc “*Tranh chấp đòi tài sản*”:

Buộc bà Lê Thị X trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền 62.500.000đ (*Sáu mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

1.2 Kể từ ngày ông Đặng Vinh Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3 Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị X phải chịu 3.125.000đ (*Ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

1.4 Hoàn trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 2.513.000đ theo biên lai thu số 0008974 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bà Lê Thị X phải chịu, khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0009403 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Đặng Q Vinh đối với số tiền 38.020.000đ (*Phần I*) không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án và được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Vương Thảo